

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Mạnh Tuấn

2. Ngày tháng năm sinh: 06/10/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 3007, Chung cư The Sun, TDP số 4, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 3007, Chung cư The Sun, TDP số 4, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983668841;

E-mail: tmtuan@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,2003 đến tháng, năm 04,2011: Giảng viên tại Khoa Công nghệ thông tin, Đại học Thái Nguyên

Từ tháng, năm 05,2011 đến tháng, năm 04,2017: Phó trưởng bộ môn tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

Từ tháng, năm 05,2017 đến tháng, năm 12,2018: Giảng viên tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi

Từ tháng, năm 01,2019 đến tháng, năm 06,2022: Phó trưởng bộ môn tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi

Địa chỉ cơ quan: Số 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243852220

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 25 tháng 06 năm 2003, số văn bằng: B457394, ngành: Toán - tin ứng dụng, chuyên ngành: Toán - tin ứng dụng; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 21 tháng 3 năm 2007, số văn bằng: 1254, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 08 tháng 08 năm 2017, số văn bằng: 0098, ngành: Toán học, chuyên ngành: Cơ sở toán học cho tin học; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thủy lợi

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các phương pháp phân cụm,

- Nghiên cứu các phương pháp học máy trong dự báo và hệ hỗ trợ ra quyết định.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 3 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 60 bài báo khoa học, trong đó 23 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Bằng khen của Bộ GD&ĐT do có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm học 2011-2012 và 2012-2013	Cấp bộ	2013
2	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên do đã có thành tích trong nghiên cứu khoa học năm học 2015-2016	Cấp trường	2016
3	Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 và 2019-2020	Cấp bộ	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
1	Cảnh cáo	Trường Đại học CNTT&TT, ĐHTN	92/QĐ-ĐHCNTT&TT	13/02/2017 - 13/02/2018

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi xin đánh giá trên các tiêu chuẩn chính của giảng viên đại học bao gồm: nghiên cứu khoa học, giảng dạy và đào tạo, công tác quản lý, và các hoạt động khác.

- Về nghiên cứu khoa học:
 - Trong suốt quá trình hoạt động khoa học và công nghệ đến nay, tôi đã công bố 60 bài báo được trên các tạp chí trong nước và quốc tế, trong đó có 23 bài thuộc danh mục ISI và Scopus. Ngoài các bài báo công bố trên các tạp chí uy tín, tôi còn tham gia báo cáo trao đổi tại các hội thảo khoa học và tham gia phản biện cho các tạp chí khoa học.
 - Các hướng nghiên cứu và công trình đã công bố gắn bó chặt chẽ với các đề tài đã và đang triển khai. Cho đến nay, tôi đã chủ trì 03 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu đạt kết quả Khá trở lên, tham gia làm thư ký đề tài quỹ Nafosted mã số: 102.05-2018.02, đã nghiệm thu đạt. Hiện tại, tôi đang

chủ trì 01 đề tài nghiên cứu khoa học Nafosted mã số: 102.05-2020.11, thời gian thực hiện:

01/2021-12/2022, do quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia quản lý. Ngoài ra, tôi còn tham gia một số đề tài các cấp khác.

- Trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy, tôi chủ biên viết 01 quyển sách tên là: “Tương tác người máy”, nhà xuất bản xây dựng, năm xuất bản 2018. tôi là tác giả chính 01 chương sách có tên: “Semisupervised fuzzy clustering methods for X-ray image segmentation” trong quyển sách: “Handbook of Data Science Approaches for Biomedical Engineering” của nhà xuất bản Elsevier, xuất bản năm 2020. Ngoài ra, tôi còn tham gia viết 01 giáo trình tên là: “Giáo trình Phân tích dữ liệu lớn căn bản”, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, xuất bản năm 2022.
- Tôi là thành viên chính của nhóm nghiên cứu mạnh của trường Đại học Thủy lợi. Tên nhóm là: Trí tuệ nhân tạo cho biến đổi khí hậu và điều khiển hệ thống (AICOST). Nghiên cứu của nhóm tập trung vào: trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, biến đổi khí hậu; phân tích dữ liệu viễn thám; tối ưu hóa và điều khiển hệ thống.
- Về giảng dạy:
 - Năm 2003, sau khi tốt nghiệp đại học ngành Toán - Tin ứng dụng thuộc Khoa Toán – tin, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Tôi được nhận làm giảng viên Khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Thái Nguyên, nay là trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) thuộc Đại học Thái Nguyên. Các môn học đã giảng dạy tại trường ĐH CNTT&TT bao gồm: Trí tuệ nhân tạo, hệ chuyên gia, khai phá dữ liệu, cơ sở dữ liệu, giao diện người máy. Trong những năm công tác tại trường Đại học CNTT&TT, tôi luôn hoàn thành tốt mọi công việc được giao trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên thực tập, làm đồ án tốt nghiệp và quản lý bộ môn.
 - Tháng 5/2017, tôi chuyển công tác về trường Đại học Thủy Lợi với vai trò là giảng viên khoa Công nghệ thông tin. Trong thời gian làm việc, tôi luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của mình. Đồng thời, tôi tham gia tích cực vào các công tác đoàn thể của Khoa, Trường. Các môn học đã giảng dạy bậc đại học và cao học tại trường Đại học Thủy lợi bao gồm Tin đại cương, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, khai phá dữ liệu, chuyên đề 2, nhập môn lập trình khoa học dữ liệu. Tôi cũng tham gia hướng dẫn sinh viên thực tập, đồ án tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp. Ngoài ra, tôi tham gia hội đồng khoa, tham gia các ban xây dựng đề án chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học, thành viên chính trong đề án xây dựng đề án mở ngành Công nghệ thông tin trình độ tiến sĩ.
- Về công tác quản lý:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị
2011 – 2016	Phó trưởng bộ môn, quản lý bộ môn	Bộ môn Hệ thống thông tin – Khoa Công nghệ thông tin - Trường ĐH CNTT&TT
2019 – đến nay	Phó trưởng bộ môn	Bộ môn Hệ thống thông tin – Khoa Công nghệ thông tin - Trường ĐH Thủy lợi

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				6	390		390/558/270
2	2016-2017				4	270		270/384/270
3	2018-2019				19	360	45	405/718.26/270
03 năm học cuối								

4	2019-2020			1	16	534		534/883.21/270
5	2020-2021			2	11	621		621/882.93/270
6	2021-2022				11	735	45	780/999/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Thị Hà		X	X		08/2019 đến 04/2021	Học viên Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18/08/2021
2	Nguyễn Trường Giang		X	X		12/2019 đến 10/2020	Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội 2	28/12/2020
3	Lê Thanh Hưởng		X	X		11/2019 đến 11/2020	Trưởng Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên	15/01/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Chapter 9: Semisupervised Fuzzy Clustering Methods for X-ray Image Segmentation in “Handbook of Data Science Approaches for Biomedical Engineering”	CK	Elsevier, năm 2020	5	CB	(Trang: 280-303)	
2	Tương tác người máy	TK	Xây dựng, năm 2018	4	CB	(trang 5-47)	
3	Giáo trình Phân tích dữ liệu lớn căn bản	TK	Khoa học và Kỹ thuật, năm 2022	3	VC	(Trang: 20-33; 57-65)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 ([1] [2])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Cải tiến hàm mục tiêu trong phân cụm mờ	CN	T2015-07-12, cấp Cơ sở	10/02/2015 đến 15/12/2015	18/12/2015; Xuất sắc
2	Cải tiến phân cụm mờ bán giám sát mờ trong phân đoạn ảnh nha khoa	CN	T2016-07-03, cấp Cơ sở	14/04/2016 đến 15/12/2016	30/12/2016; Xuất sắc
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
3	Nghiên cứu xây dựng hệ tư vấn và hỗ trợ chẩn đoán bệnh theo tiếp cận tính toán mờ	TK	102.05-2018.02, cấp Bộ	14/12/2018 đến 14/12/2021	10/12/2021
4	Nghiên cứu và phát triển mô hình tính toán hạt theo tiếp cận mờ và ứng dụng trong hỗ trợ chẩn đoán nha khoa	CN	GUST.STS.ĐT2018-TT01, cấp Cơ sở	08/06/2018 đến 15/06/2021	02/6/2021; Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Dental segmentation from X-ray images using semi-supervised fuzzy clustering with spatial constraints	2	Không	Engineering Applications of Artificial Intelligence; ISSN: 0952-1976	Có (Q1) - SCIE IF: 6.212	72	59 186-195	01/2017
2	Analyzing trends in hospital-cost payments of patients using ARIMA and GIS: Case study at the Hanoi Medical University Hospital, Vietnam	7	Không	Journal of Medical Imaging and Health Informatics; ISSN: 2156-7018	Có (Q4) - SCIE IF: 0.649	32	7, 2, 421-429	04/2017

3	A Novel Semi-Supervised Fuzzy Clustering Method based on Interactive Fuzzy Satisficing for Dental X-Ray Image Segmentation	3	Có	Applied Intelligence; ISSN: 0924-669X	Có (Q2) - SCI IF: 5.086	63	45, 2, 402-428	03/2016
4	Decision making based on fuzzy aggregation operators for medical diagnosis from dental X-ray images	5	Không	Journal of Medical Systems, ISSN: 0148-5598	Có (Q1) - SCIE IF: 4.46	58	40, 12(280), 1-7	10/2016
5	A cooperative semi-supervised fuzzy clustering framework for dental X-ray image segmentation	2	Không	Expert Systems with Applications; ISSN: 0957-4174	Có (Q1) - SCIE IF: 6.954	95	46 380-393	03/2016

6	Dental diagnosis from x-ray images using fuzzy rule-based systems	4	Có	International Journal of Fuzzy System Applications; ISSN: 2156-1761	Có (Q3) - Scopus	24	6, 1, 1-16	01/2017
7	A novel framework using graph-based clustering for dental x-ray image search in medical diagnosis	2	Có	International Journal of Engineering and Technology; ISSN: 1793-8236	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	7	8, 6, 422-427	12/2016
8	Dự báo liên kết đồng tác giả sử dụng phân cụm bán giám sát mờ	5	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		173, 13, 45-50	11/2017
9	Phương pháp phân cụm mờ bán giám sát sử dụng thông tin đặc trưng ảnh trong phân đoạn ảnh nha khoa	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		159, 14, 75-80	11/2016

10	Kết hợp mô hình Arima với phân lớp Naïve Bayes trong phân loại bệnh nhân	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		157, 12/1, 187-191	10/2016
11	Sử dụng phân cụm bán giám sát mờ kết hợp với hệ thống thông tin địa lý trong phân tích và dự báo số liệu thống kê	5	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		155, 10, 131-136	08/2016
12	Dynamic semi-supervised fuzzy clustering for dental X-ray image segmentation: an analysis on the additional function	3	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics; ISSN: 1813-9663			31, 4, 323-339	12/2015
13	Ứng dụng phân cụm mờ cho bài toán nhận dạng hệ điều khiển tự động từ dữ liệu	2	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		116, 2, 73-78	02/2014

14	Markov model in proving the convergence of fuzzy genetic algorithm	2	Có	Vietnam Journal of Science and Technology (VJST); ISSN: 2525-2518			51, 3, 267-276	05/2013
15	Kết hợp giải thuật di truyền với phân cụm loại trừ trong tối ưu hóa tham số điều khiển	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		90, 2, 87-92	02/2012
16	Phương pháp xấp xỉ ngẫu nhiên giải một loại bài toán điều khiển chứa tích phân bội và ứng dụng	2	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		90, 2, 93-99	02/2012
17	Một số phương pháp phân cụm dữ liệu	2	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		69, 7, 15-20	06/2010
18	Mô hình kết hợp các số liệu địa chấn với các số liệu địa chất – địa vật lý để dự báo động đất	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171			52, 4, 60-61	04/2009

19	Phương pháp sai phân và ứng dụng đối với bài toán biên tự do	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		45, 1, 75-79	01/2009
20	Medical diagnosis from dental X-ray images: A novel approach using Clustering combined with Fuzzy Rule-based systems	5	Có	Kỷ yếu Hội thảo QT có phản biện (NAFIPS'2016), ISBN: 978-1-5090-4492-4			259-264	11/2016
21	Semi-supervised fuzzy co-clustering for hospital-cost analysis from electronic medical records	4	Không	Proceeding of 8th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2016)			25-30	11/2016
22	A new neuro-fuzzy inference system for insurance forecasting	3	Không	Proceeding of 1st International Conference on Advances in Information and Communication Technology (ICTA 2016)			63-72	12/2016

23	Đánh giá hiệu năng của thuật toán phân cụm mờ bán giám sát cho bài toán phân đoạn ảnh nha khoa	4	Có	Kỷ yếu hội thảo quốc gia về nghiên cứu cơ bản năm 2015 (Fair 2015), tại Hà Nội			130-143	07/2015
24	Mô hình markov trong chứng minh tính hội tụ của giải thuật di truyền mờ	2	Có	Kỷ yếu hội thảo quốc gia về một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin và truyền thông năm 2011 (@ 2011), tại Cần Thơ			191-203	10/2011
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
25	A Novel Fuzzy Knowledge Graph Pairs Approach in Decision Making	6	Có	Multimedia Tools and Applications; ISSN: 1380-7501	Có (Q1) - SCIE IF: 2.757		1-30	04/2022
26	VNU-Diagnosis: A Novel Medical System based on Deep Learning for Diagnosis of Periapical Inflammation from X-Rays Images	7	Không	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems; ISSN 1064-1246	Có (Q2) - SCIE IF: 1.851		43, 1, 1417-1427	03/2022

27	Combining Entropy Optimization and Sobel Operator for Medical Image Fusion	4	Không	Computer Systems Science and Engineering; ISSN: 0267-6192	Có (Q3) - SCIE IF: 1.486		44, 1, 535-544	06/2022
28	TS3FCM: Trusted Safe Semi-Supervised Fuzzy Clustering Method for Data Partition with High Confidence	8	Có	Multimedia Tools and Applications; ISSN: 1380-7501	Có (Q1) - SCIE IF: 2.757		81, 9, 12567-12598	02/2022
29	Object Detection in Remote Sensing Images Using Picture Fuzzy Clustering and MapReduce	3	Có	Computer Systems Science and Engineering; ISSN: 0267-6192	Có (Q3) - SCIE IF: 1.486		43, 3, 1241-1253	05/2022

30	A New Approach for Fairness Increment of Consensus-driven Group Recommender Systems Based on Choquet Integral	6	Không	International Journal of Data Warehousing and Mining; ISSN: 1548-3924	Có (Q4) - SCIE IF: 0.625		18, 1, 1-22	01/2022
31	Efficient Algorithms for Dynamic Incomplete Decision Systems	6	Không	International Journal of Data Warehousing and Mining; ISSN: 1548-3924	Có (Q4) - SCIE IF: 0.625		17, 3, 44-67	07/2021
32	Knowledge-based preference learning model for recommender system using adaptive neuro-fuzzy inference system	6	Không	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems; ISSN 1064-1246 (P) ISSN 1875-8967	Có (Q2) - SCIE IF: 1.851	9	39, 3, 4651-4665	10/2020

33	A New Complex Fuzzy Inference System with Fuzzy Knowledge Graph and Extensions in Decision Making	7	Không	IEEE ACCESS; ISSN: 2169-3536	Có (Q1) - SCIE IF: 3.367	16	8 164899- 164921	09/2020
34	Predictive reliability and validity of hospital cost analysis with dynamic neural network and genetic algorithm	6	Không	Neural Computing and Applications; ISSN: 0941-0643	Có (Q1) - SCIE IF: 5.606	3	32, 18, 15237- 15248	05/2020
35	Adaptive Convolutional Neural Network using N-gram for Spatial Object Recognition	9	Có	Earth Science Informatics; ISSN: 1865-0473	Có (Q2) - SCIE IF: 2.878	8	12, 4, 525- 540	07/2019

36	Novel incremental algorithms for attribute reduction from dynamic decision tables using hybrid filter–wrapper with fuzzy partition distance	8	Không	IEEE Transactions on Fuzzy Systems 1063-6706	Có (Q1) - SCIE IF: 12.029	15	28, 5, 858-873	05/2019
37	Logic Connectives of Complex Fuzzy Sets	8	Không	Romanian Journal of Information Science and Technology; ISSN: 1453-8245	Có (Q3) - SCIE IF: 0.643	20	21, 4, 344-358	10/2018
38	The Combination of Fuzzy Min–Max Neural Network and Semi-supervised Learning in Solving Liver Disease Diagnosis Support Problem	4	Không	Arabian Journal for Science and Engineering ; ISSN: 2191-4281	Có (Q2) - SCIE IF: 2.334	4	44, 4, 2933-2944	06/2018

39	Dental Diagnosis from X-Ray Images: An Expert System based on Fuzzy Computing	8	Không	Biomedical Signal Processing and Control; ISSN: 1746-8094	Có (Q2) - SCIE IF: 3.88	63	39 64- 73	01/2018
40	Fuzzy and neutrosophic modeling for link prediction in social networks	5	Có	Evolving Systems; ISSN: 1868-6478	Có (Q2) - SCIE IF: 1.908	18	10 629- 634	08/2018
41	An improvement of Trusted Safe Semi- supervised Fuzzy Clustering method with Multiple Fuzzifiers	5	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics; ISSN: 1813-9663			38, 1, 47-61	03/2022
42	Chẩn đoán bệnh trong y học cổ truyền: Hướng tiếp cận dựa trên đồ thị tri thức mở dạng cập	7	Có	Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông; ISSN: 1859- 3526			2021, 2, 58- 69	11/2021

43	Ứng dụng mạng nơron mờ đa tác động trong tư vấn học sinh trung học phổ thông dựa trên quá trình học tập	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		227, 8, 284-290	05/2022
44	Tính toán hạt dựa trên độ đo tương đồng mờ phức trong hỗ trợ chẩn đoán nha khoa	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		226, 7, 121-127	05/2021
45	Ứng dụng hệ suy diễn mờ phức trong hỗ trợ chẩn đoán bệnh xơ gan	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		225, 6, 186-191	05/2020
46	Modeling multi-criteria decision-making in dynamic neutrosophic environments bases on choquet integral	6	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics ISSN: 1813-9663		2	36, 1, 33-47	02/2020

47	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ chẩn đoán bệnh nha khoa	2	Không	Tạp chí bưu chính viễn thông và CNTT ISSN: 1859-3550			557, 747, 34-37	06/2018
48	Mô hình học chuyển giao mờ trong hỗ trợ chẩn đoán bệnh xơ gan	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ - ĐHTN, ISSN: 1859-2171	- ACI		189, 13, 93-98	03/2018
49	Colorectal Cancer Diagnosis with Complex Fuzzy Inference System	6	Không	In Frontiers in Intelligent Computing: Theory and Applications; ISBN: 978-981-13-9919-0 (Springer)		4	11-20	10/2019
50	Fuzzy Min Max Neural Network and Genetic Algorithm in Diagnosing Liver Related Diseases	5	Không	In Frontiers in Intelligent Computing: Theory and Applications; ISBN: 978-981-13-9919-0 (Springer)			21-30	10/2019
51	Medical Diagnosis from Images with Intuitionistic Fuzzy Distance Measures	4	Không	Proceeding of the 2018 International Joint Conference on Rough Sets (IJCRS-2018), 20-24 August, 2018, Quy Nhon, Vietnam			479-490	08/2018

52	Một tiếp cận phân cụm ảnh viễn thám sử dụng mapreduce và logic mờ	3	Không	kỷ yếu hội thảo quốc gia về nghiên cứu cơ bản năm 2021 (Fair 2021), tại TP Hồ Chí Minh			1-8	12/2021
53	Một phát triển trong phân cụm bán giám sát mờ tích cực	6	Không	Hội thảo “Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông”(@2021), tại TP Thái Nguyên			282-287	12/2021
54	Nghiên cứu hiệu quả mô hình SVM trong phân tích cảm xúc khuôn mặt, đánh giá mức độ Stress từ chuỗi ảnh	6	Không	Hội thảo “Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông”(@2021), tại TP Thái Nguyên			343-349	12/2021
55	Dự đoán ảnh mây vệ tinh với mô hình suy diễn mờ phức không gian - thời gian	4	Không	Hội thảo “Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông”(@2020), TP Ưng Bí, Quảng Ninh			42-48	11/2020

56	Một cải tiến mới của thuật toán phân cụm bán giám sát mờ với nhiều tham số mờ và ứng dụng trong phân đoạn ảnh nha khoa	5	Có	kỷ yếu hội thảo quốc gia về nghiên cứu cơ bản năm 2020 (Fair 2020), tại TP Nha Trang			238-244	10/2020
57	Một số hướng tiếp cận mới trong phân cụm bán giám sát mờ	5	Không	kỷ yếu hội thảo quốc gia về nghiên cứu cơ bản năm 2020 (Fair 2020), tại TP Nha Trang			334-341	10/2020
58	Một mô hình suy diễn mờ phức không gian mới cho bài toán phát hiện biến đổi của ảnh viễn thám	6	Không	kỷ yếu hội thảo quốc gia về nghiên cứu cơ bản năm 2020 (Fair 2020), tại TP Nha Trang			287-275	10/2020
59	Improving the Quality of Remote Sensing Images using Semi-Supervised Fuzzy Clustering	2	Không	International Journal of Latest Engineering Science; SSN: 2581-6659	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		3, 1, 21-29	02/2020

60	Image Retrieval Using Intensity Gradients and Texture Chromatic Pattern: Satellite Images Retrieval	7	Không	International Journal of Data Warehousing and Mining; ISSN: 1548-3924	Có (Q4) - SCIE IF: 0.625		17, 1, 57-73	03/2021
----	---	---	-------	---	---------------------------------------	--	-----------------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS: 5 ([25] [28] [29] [35] [40])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Biên soạn chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ tiến sĩ	Tham gia	134/QĐ-ĐHTL, ngày 14/02/2020	Trường Đại học Thủy lợi	713/QĐ-BGDĐT, ngày 09/2/2021	Đào tạo tại Trường Đại học Thủy lợi

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)